TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 871/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2023
V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Hoàng Nam**

2. Ông **Phạm Văn Tuyền**

Thư ký phiên tòa:

Tại điểm cầu trung tâm: Bà **Châu Nguyễn Thanh Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại điểm cầu thành phần: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa tại điểm cầu trung tâm: bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo hình thức trực tuyến, điểm cầu trung tâm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh – số 4 đường số 3, khu trung tâm hành chính huyện, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 465/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 383/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị Th**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh - có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông **Võ Hữu B**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh - vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được bà Vũ Thị Th (nguyên đơn) trình bày:

Bà Th và ông Võ Hữu B chung sống với nhau từ ngày 27 tháng 5 năm 2007 và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng hay cãi vã nhau. Mặc dù cố gắng khắc phục và rất nhiều lần cố gắng hàn gắn cải thiện mối quan hệ nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay bà Th xét thấy tình cảm của bà Th và ông B đã không còn nữa, bà Th yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà Th và ông B có 02 con chung tên Võ Hữu Hoàng L, sinh ngày: 29/6/2008; Võ Hoàng N, sinh ngày: 13/3/2016. Hiện 02 trẻ L và trẻ N đang sống chung với bà Th. Sau khi ly hôn, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi trẻ L; bà Th đồng ý giao trẻ N cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng và bà Th không phải cấp dưỡng nuôi trẻ N.

Về tài sản chung: Bà Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Bị đơn ông Võ Hữu B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử

tuyên xử: chấp nhận bà Vũ Thị Th được ly hôn với ông Võ Hữu B. Về con chung: 02 con chung tên Võ Hữu Hoàng L, sinh ngày: 29/6/2008; Võ Hoàng N, sinh ngày: 13/3/2016. Giao trẻ Võ Hữu Hoàng L cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Võ Hữu B; giao trẻ Võ Hoàng N cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Vũ Thị Th. Tài sản chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: do đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Vũ Thị Th nộp đơn xin ly hôn đối với ông Võ Hữu B. Ông Võ Hữu B cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Võ Hữu B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, ông B theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Võ Hữu B đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Vũ Thị Th và ông Võ Hữu B, nhưng ông B không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông B tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông B phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 do Ủy ban nhân dân xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An cấp ngày 27 tháng 6 năm 2007, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị Th và ông Võ Hữu B là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị Th xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

"Tình nghĩa vợ chồng:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng".

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[6] Xét thấy bà Vũ Thị Th và ông Võ Hữu B đã có thời gian sống ly thân với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông B cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông B mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị Th về việc xin được ly hôn với ông Võ Hữu B.

[7] Về con chung: Bà Vũ Thị Th và ông Võ Hữu B có 02 con chung tên Võ Hữu Hoàng L, sinh ngày: 29/6/2008; Võ Hoàng N, sinh ngày: 13/3/2016. Hiện 02 trẻ L và trẻ N đang sống chung với bà Th, sau khi ly hôn, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L và bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi trẻ L; bà đồng ý giao trẻ N cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng và bà Th không phải cấp dưỡng nuôi trẻ N. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ thì trẻ L muốn sống chung với mẹ; trẻ N muốn sống với ba. Ông B vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông B về con chung giữa bà Th và ông B nên Hội đồng xét xử chỉ

xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà Th, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th, giao con chung tên Võ Hữu Hoàng L, sinh ngày: 29/6/2008 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Võ Hoàng N, sinh ngày: 13/3/2016 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà Th không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về tài sản chung: Bà Vũ Thị Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về nợ chung: Bà Vũ Thị Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[10] Về án phí: Bà Vũ Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị Th đối với ông Võ Hữu B:

Bà Vũ Thị Th được ly hôn với ông Võ Hữu B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38 do Ủy ban nhân dân xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An cấp ngày 27 tháng 6 năm 2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Vũ Thị Th và ông Võ Hữu B có 02 con chung tên Võ Hữu Hoàng L, sinh ngày: 29/6/2008; Võ Hoàng N, sinh ngày: 13/3/2016.

Giao trẻ Võ Hữu Hoàng L, sinh ngày: 29/6/2008 cho bà Vũ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Võ Hoàng N, sinh ngày: 13/3/2016 cho ông Võ Hữu B trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà Th không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Bà Vũ Thị Th và ông Võ Hữu B có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này bà Vũ Thị Th và ông Võ Hữu B đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Vũ Thị Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Vũ Thị Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Vũ Thị Th chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0042499 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh bà Th đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định